

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/LĐ-ST

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v: “Tranh chấp đơn
phương chấm dứt hợp đồng
lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Đăng Khoa;
- Bà Thiều Thị Phi Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tôn Hoài Anh Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-LĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-LĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Giảng Thiên T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ thường trú: A, khu phố H, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị **Phạm Thị Yến N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 5, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Công ty **TNHH Đ**.

Địa chỉ trụ sở: 6 N, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Long Nguyễn Quốc K** - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: B N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ hiện tại: 6 N, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bảo hiểm xã hội thành phố H.

Địa chỉ: A N, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn M** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Hoàng Thị Khánh L** – Chức vụ: Nhân viên.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Giảng Thiên T bắt đầu làm việc cho Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) từ ngày 01 tháng 5 năm 2021, chức vụ là nhân viên chăm sóc khách hàng. Khi vào làm việc tại Công ty, giữa chị T và Công ty không ký kết hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng về công việc, thời gian làm việc và mức lương hàng tháng.

Theo đó, mức lương hàng tháng của chị T khi làm việc tại Công ty Đ là 7.000.000 đồng, mức lương thực lãnh hàng tháng là 7.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thì số tiền mà Công ty Đ đóng bảo hiểm cho chị T theo mức lương là 5.000.000 đồng/tháng.

Hàng tháng, Công ty Đ thanh toán tiền lương cho chị T thông qua chuyển khoản Ngân hàng hoặc tiền mặt (kèm theo phiếu thông tin tiền lương). Tiền lương Công ty Đ chuyển cho chị T qua số tài khoản 1012589906, tên chủ tài khoản: Giảng Thiên T, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Đ1 - P, cụ thể như sau:

+ Ngày 09 tháng 8 năm 2021: Chuyển 6.490.909 đồng, nội dung chuyển khoản là: “*Cty Mining thanh toán lương T7.2021*”.

+ Ngày 12 tháng 10 năm 2021: Chuyển 2.625.000 đồng, nội dung chuyển khoản là “*MN thanh toán lương T9.2021*”.

Đến tháng 10 năm 2021, chị T bị Công ty Đ chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty Đ có gửi cho chị T Quyết định số: 01/QĐTV-2021 đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc cho thôi việc từ Công ty Đ với nội dung căn cứ là: “Đơn xin nghỉ việc của chị Giảng Thiên T”. Trong quá trình làm việc tại Công ty Đ, chị T

chưa từng làm đơn xin nghỉ việc gửi lên Ban Lãnh đạo Công ty. Việc Công ty ra quyết định cho chị T nghỉ việc với nội dung như trên là hoàn toàn không đúng sự thật.

Trong quá trình làm việc tại Công ty Đ, chị T, luôn cố gắng làm việc, chưa từng nộp đơn xin nghỉ việc nào đến Ban Lãnh đạo Công ty. Đến thời điểm tháng 7 năm 2021 là thời điểm dịch COVID đang bùng phát trở lại tại Việt Nam, Chính phủ ban hành các Chỉ thị hạn chế việc đi lại, các Doanh nghiệp phải chuyển qua hình thức làm việc tại nhà, kinh tế khó khăn, việc người lao động tìm công việc mới tại thời điểm dịch bệnh là gần như không có khả năng. Hơn nữa, tại thời điểm này chị T đang mang thai, việc này Ban Lãnh đạo Công ty Đ cũng biết nhưng vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị T là trái quy định của pháp luật.

Tại thời điểm cách ly do dịch bệnh phải làm việc tại nhà, chị T vẫn cố gắng hoàn thành hết các công việc được giao. Việc Công ty Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị T đã gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích của chị T.

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Buộc Công ty Đ thanh toán tiền lương cho chị T từ tháng 10 năm 2021 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính đến tháng 10 năm 2022: $7.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 84.000.000 \text{ đồng}$ và 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động là 14.000.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu Công ty Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian chị T không được làm việc.

+ Yêu cầu Công ty Đ nhận chị T trở lại làm việc, trong trường hợp Công ty Đ không muốn nhận chị T trở lại làm việc thì yêu cầu Công ty phải bồi thường cho chị T thêm 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động là 14.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Đ phải bồi thường cho chị T tạm tính là 112.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian chị T không được làm việc; rút yêu cầu Công ty Đ nhận chị T trở lại làm việc, trong trường hợp Công ty Đ không nhận chị T trở lại làm việc thì yêu cầu Công ty phải bồi thường cho chị T thêm 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động là 10.000.000 đồng; đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc Công ty Đ thanh toán tiền lương cho chị T từ tháng 10 năm 2021 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 16 tháng 7 năm 2024): $5.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} = 165.000.000 \text{ đồng}$ và 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Đ phải bồi thường cho chị Tâm T2 đến ngày 16 tháng 7 năm 2024 là 175.000.000 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản làm việc, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty TNHH Đ có ký hợp đồng lao động với chị Giảng Thiên T. Hợp đồng lao động xác định thời hạn 06 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 30 tháng 10 năm 2021, với mức lương cơ bản là 5.000.000 đồng và những trợ cấp khác là 2.550.000 đồng. Công ty đã nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội cho chị Giảng Thiên T.

Đối với việc chị T cho rằng chị không có đơn xin nghỉ việc là đúng. Trong quyết định thôi việc Công ty có ghi nội dung căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của chị T là không đúng. Công ty cho chị T nghỉ việc là do chị T trong quá trình làm việc không chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty N2 làm việc riêng, không theo dõi tin nhắn trên các group làm việc chung, làm ảnh hưởng đến công việc của Công ty nên Công ty cho chị T thôi việc trước thời hạn 01 tháng. Công ty thấy việc không thông báo cho chị T về quyết định cho thôi việc là chưa đúng quy định nên có trách nhiệm bồi thường 04 tháng lương cơ bản cho chị T là 20.000.000 đồng.

Theo bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của chị Giảng Thiên T, mã số BHXH: 7916417333, từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021 là 05 tháng; mức lương đóng là 5.000.000 đồng.

Đến thời điểm hiện tại, chị Giảng Thiên T đã nhận tiền trợ cấp một lần theo Quyết định số 10699 ngày 05 tháng 10 năm 2022, số tiền 17.252.766 đồng; Quyết định số 7181 ngày 11 tháng 6 năm 2019, số tiền 12.600.582 đồng.

Theo tra cứu dữ liệu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì đến thời điểm hiện tại, chị Giảng Thiên T không tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty nào khác. Bảo hiểm xã hội Thành phố H không có ý kiến về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn chị Giảng Thiên T với bị đơn Công ty TNHH Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Công ty TNHH Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị Giảng Thiên T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giảng Thiên T, buộc bị đơn Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị Giảng Thiên T tổng số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), (trong đó tiền lương trong những ngày chị T không được làm việc từ tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử là 165.000.000 đồng và bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương là 10.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Chị Giảng Thiên T khởi kiện Công ty TNHH Đ tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật phát sinh từ quan hệ lao động được xác lập giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động và yêu cầu Công ty TNHH Đ bồi thường thiệt hại, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị T trong những ngày không được làm việc nên căn cứ theo quy định tại Điều 32 và Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, chị Giảng Thiên T là nguyên đơn, Công ty TNHH Đ là bị đơn và Bảo hiểm xã hội Thành phố H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn chị Giảng Thiên T có địa chỉ cư trú tại: A, khu phố H, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04 tháng 10 năm 2021, bị đơn Công ty TNHH Đ ban hành Quyết định số: 01/QĐTV-2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn chị Giảng Thiên T. Ngày 11 tháng 7 năm 2022, chị Giảng Thiên T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Công ty TNHH Đ bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động thì vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về pháp luật áp dụng: Các đương sự đều xác định chị Giảng Thiên T vào làm việc tại Công ty TNHH Đ từ tháng 5 năm 2021. Ngày 04 tháng 10 năm 2021, Công ty TNHH Đ đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị T. Đến ngày 11 tháng 7 năm 2022, chị T khởi kiện ra Tòa vì cho rằng Công ty TNHH Đ chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Vì vậy, áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Xét nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty TNHH Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian chị T không được làm việc và rút yêu cầu Công ty Đ nhận chị T trở lại làm việc, trong trường hợp Công ty Đ không nhận chị T trở lại làm việc thì yêu cầu Công ty phải bồi thường cho chị T thêm 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động là 10.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lương cơ bản để làm cơ sở tính tiền bồi thường (từ 7.000.000 đồng/tháng thành 5.000.000 đồng/tháng) không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2.2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng lao động số: HDLD/05/2021 (không ghi ngày, tháng, năm), do phía bị đơn cung cấp và việc xác lập quan hệ lao động giữa các bên: Hợp đồng lao động nêu trên có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và có dấu mộc của Công ty TNHH Đ, tuy nhiên hợp đồng không ghi rõ ngày, tháng, năm và không có chữ ký của người lao động là chị Giảng Thiên T. Đồng thời, chị T cũng xác định giữa các bên không ký kết hợp đồng lao động, chỉ thỏa thuận miệng về công việc, thời gian làm việc, mức lương hàng tháng, không thỏa thuận về thời hạn làm việc. Do đó, hợp đồng lao động do phía bị đơn cung cấp không hợp pháp.

Mặc dù, hợp đồng lao động nêu trên không là căn cứ để xác lập quyền và nghĩa vụ giữa các bên nhưng phía chị T và Công ty TNHH Đ đều xác định quan hệ lao động giữa các bên phát sinh từ ngày 01 tháng 5 năm 2021. Theo các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp thể hiện Công ty TNHH Đ có trả lương cho chị T từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021, với mức lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội là 5.000.000 đồng và các khoản phụ cấp, hỗ trợ khác. Đồng thời, phía Bảo hiểm xã hội Thành phố H cũng xác định Công ty TNHH Đ có đóng

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị T từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021, với mức lương đóng là 5.000.000 đồng. Từ những căn cứ nêu trên thì có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ lao động từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến thời điểm có quyết định cho chị T thôi việc ngày 04 tháng 10 năm 2021.

[2.2.3] Xét tính hợp pháp của Quyết định về việc thôi việc số: 01/QĐTV-2021 ngày 04 tháng 10 năm 2021: Căn cứ vào nội dung của quyết định thì Công ty TNHH Đ cho chị T nghỉ việc từ ngày 04 tháng 10 năm 2021, với lý do nghỉ việc là: Xét đơn xin nghỉ việc của chị Giảng Thiên T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định chưa từng nộp đơn xin nghỉ việc gửi lên Ban lãnh đạo Công ty. Bị đơn cũng thừa nhận việc Công ty có ghi nội dung căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của chị T là không đúng. Công ty cho chị T nghỉ việc là do chị T không chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty, làm ảnh hưởng đến công việc của Công ty. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung đã trình bày. Mặt khác, phía bị đơn cũng thừa nhận không thông báo trước cho nguyên đơn mà ban hành Quyết định về việc thôi việc số: 01/QĐTV-2021 ngày 04 tháng 10 năm 2021 là vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn trái quy định pháp luật.

[2.2.4] Về yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật.

Về yêu cầu bị đơn trả tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc kể từ tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử vụ án và bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương:

Tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Người lao động phải trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc và bồi thường thêm một khoản tiền và ít nhất bằng 2 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải có nghĩa vụ trả lương cho nguyên đơn trong những ngày nguyên đơn không được làm việc và bồi thường thêm 2 (hai) tháng tiền lương là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể như sau:

- Kể từ tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử vụ án (ngày 16 tháng 7 năm 2024), là những ngày nguyên đơn không được làm việc, tiền lương là: 33 tháng x 5.000.000 đồng = 165.000.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Bồi thường hai tháng tiền lương: 02 tháng x 5.000.000 đồng = 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[3] Về án phí:

- Nguyên đơn được miễn đóng tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 32, 35, 40, 68, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 36, 41, 190 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu: Yêu cầu Công ty TNHH Đ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian chị T không được làm việc; Yêu cầu Công ty Đ nhận chị T trở lại làm việc, trong trường hợp Công ty Đ không muốn nhận chị T trở lại làm việc thì yêu cầu Công ty phải bồi thường cho chị T thêm 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động là 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giảng Thiên T:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị Giảng Thiên T tổng số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), (trong đó tiền lương trong những ngày chị T không được làm việc tính từ tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 165.000.000 đồng và bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương là 10.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo